

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HNGĐ-ST
Ngày 18-11-2021
Về việc “Ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Đông.
2. Bà Trần Thị Chiêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: số 13 đường số 4 ấp 4, Khóm 3, xã T, huyện L, tỉnh N.

2. *Bị đơn:* Ông S, sinh năm 1986.

HKTT: số 6/3A đường C, Phường 2, thành phố T, tỉnh L.

(Hiện đang chấp hành án tại Trại giam P – Cục C10 Bộ Công An).

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 30 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà H trình bày:

Bà và ông S tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 2, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh L vào năm 2008. Vợ

chồng chung sống đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông S thường xuyên nhậu nhẹt, hút chích ma túy đá về đánh đập làm bà khủng hoảng tinh thần, bà đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2017 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: bà và ông S có 02 con chung tên Lê Đức T, sinh ngày 27/12/2008 và Lê Ngọc H, sinh ngày 04/10/2013. Bà H có yêu cầu được nuôi 02 con chung khi ly hôn, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bà xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông S hiện đang chấp hành án tại Trại giam P - Cục C10 Bộ Công An, theo biên bản ghi lời khai ngày 24/10/2021, ông S có lời khai đồng ý ly hôn, có yêu cầu được nuôi con chung Lê Đức T, sinh ngày 27/12/2008 khi ly hôn, không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Ông S đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, ông S có đơn xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án.

Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định tại các Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông S là quan hệ hôn nhân hợp pháp, do bà H và ông S có mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nhận thấy hôn nhân giữa bà H và ông S đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, quan hệ hôn nhân không thể kéo dài. Từ đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H. Ông S hiện đang chấp hành án, do đó để đảm bảo con chung có cuộc sống ổn định nên chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Đương sự phải nộp án phí theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với ông S có hộ khẩu thường trú ở thành phố T, tỉnh L nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng

cứ và hòa giải cho ông S. Do ông S hiện đang chấp hành án tại Trại giam P – Cục C10 Bộ Công An, có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, có trình bày ý kiến. Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt tất cả các được sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông S tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 2, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh L vào năm 2008 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà H xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông S thường xuyên nhậu nhẹt, chơi ma túy đá về đánh đập bà rất nhiều lần làm bà khủng hoảng tinh thần, phải bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2017 đến nay. Ông S có lời khai trình bày đồng ý ly hôn nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của bà H và ông S.

Về con chung: bà H và ông S 02 con chung tên Lê Đức T, sinh ngày 27/12/2008 và Lê Ngọc H, sinh ngày 04/10/2013. Bà H có yêu cầu được nuôi 02 con chung khi ly hôn. Ông S có yêu cầu được nuôi con chung Lê Đức T. Xét thấy, con chung Lê Đức T và Lê Ngọc H đã trên 07 tuổi, có lời khai trình bày được sống với mẹ, hiện ông S đang chấp hành án nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung. Do đó, nên giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp nguyện vọng của con chung chưa thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm khi ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà H và ông S.

Về nuôi con chung:

Giao 02 con chung tên Lê Đức T, sinh ngày 27/12/2008 và Lê Ngọc H, sinh ngày 04/10/2013 cho H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà H không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con chung, các bên hoặc một bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Bà H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số **0005395** ngày 28/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Các đương sự
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tố Loan